

Sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu nhằm ứng phó với tình trạng khan hiếm nước trong sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long

Nguyễn Hoàng Diễm My*, Phạm Xuân Hùng**, Nguyễn Đức Kiên***

Nhận ngày 15 tháng 10 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 12 năm 2023.

Tóm tắt: Bài viết¹ tiếp cận về giới để làm rõ sự tham gia của nam và nữ trong các quyết định tưới tiêu nhằm góp phần ứng phó với khan hiếm nước trong canh tác lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể là tại Cần Thơ. Kết quả khảo sát 312 nông hộ sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng cho thấy sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định tưới tiêu vẫn còn khá hạn chế. Mức độ cạnh tranh trong sử dụng nguồn nước trong sản xuất lúa chưa cao, tuy nhiên cần có kế hoạch sử dụng nguồn nước hợp lý. Kết quả phân tích chỉ ra nhóm hộ có diện tích trên 3,5 ha có mức độ khan hiếm nước trong mùa khô và tần suất đối phó khan hiếm nước cao hơn so với nhóm hộ còn lại. Do đó, cần có chính sách hỗ trợ các nhóm hộ phù hợp nhằm đối phó hiệu quả với tình trạng khan hiếm nước, cũng như tăng cường sự tham gia của giới theo hướng tích cực trong việc đưa ra các quyết định tưới tiêu của nông hộ.

Từ khóa: Tiếp cận giới, nông hộ, khan hiếm nước, sản xuất lúa, Đồng bằng sông Cửu Long.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: This study applies gender approach to analyze the participation of gender in decision-making in rice irrigation practices to address water scarcity in rice cultivation in the Mekong Delta, specifically in Cần Thơ. The survey results conducted with 312 households using stratified sampling methods reveal that women's involvement in irrigation-related decisions remains relatively constrained. Although the level of competition for water resources in rice production is not currently high, it is essential to develop a proper water usage plan. The analysis indicates that households with land areas exceeding 3.5 hectares experience greater water scarcity during the dry season and must tackle water scarcity more frequently compared to the remaining group. Therefore, relevant support policies are required to effectively tackle the issue of water scarcity, as well as enhancing active engagement of gender in the course of households' irrigation decision-making.

Keywords: Gender approach, farming households, water scarcity, rice production, Mekong Delta.

Subject classification: Sociology

1. Giới thiệu

Nước tưới đóng vai trò rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Mặc dù có hệ thống mạng lưới các sông ngòi và kênh rạch chằng chịt nhưng tình trạng khan hiếm nước trong sản xuất lúa ở Đồng bằng

*,**,*** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

Email: nhdm@hueuni.edu.vn, pxhung@hueuni.edu.vn, ndkien@hueuni.edu.vn

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 504.05-2020.302.

sông Cửu Long ngày một rõ rệt do các tác động thay đổi trong sử dụng nguồn nước ở khu vực đầu nguồn đã làm thay đổi lượng nước điều phối trên các sông, kênh, cũng như xuất hiện tình trạng dòng chảy kiệt trong mùa khô, và do tác động của biến đổi khí hậu, thay đổi trọng lượng mưa v.v.. Các nghiên cứu gần đây đã cho thấy tình trạng gia tăng nhiệt độ, hạn hán diễn ra thường xuyên hơn ở một số tỉnh của Đồng bằng sông Cửu Long trong đó có Cần Thơ, các tác động này có thể trầm trọng hơn trong tương lai, và có thể gây các tác động tới sinh kế của hộ nông dân trồng lúa (Tran và cộng sự, 2022).

Nghiên cứu áp dụng tiếp cận về giới để đánh giá mức độ tham gia các quyết định liên quan tới sử dụng nguồn nước tưới trong sản xuất nông nghiệp ngày càng nhận được sự quan tâm. Nghiên cứu của FAO (2011) đã chỉ rõ vai trò quan trọng của phụ nữ trong đóng góp cho nền kinh tế nông thôn ở các nước đang phát triển. Phụ nữ thường có ít cơ hội tiếp cận các nguồn lực, hay tham gia vào các quyết định trong các hoạt động sản xuất so với nam giới. Việc tăng cường khả năng tiếp cận cho phụ nữ về các nguồn lực, cũng như tham gia vào các quyết định sản xuất sẽ tạo ra các lợi ích không chỉ cho hộ gia đình mà còn đem lại lợi ích cho cộng đồng và xã hội. Do đó việc thúc đẩy khả năng tham gia của phụ nữ trong các quyết định sản xuất cần được quan tâm nhằm đảm bảo các tiếp cận bình đẳng và hỗ trợ phụ nữ trong việc tham gia vào các quyết định liên quan tới quá trình sản xuất của hộ. Trong bối cảnh vấn đề đối phó với tình trạng khan hiếm nước ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đang nhận được nhiều sự quan tâm, một trong những giải pháp nhằm góp phần làm giảm khan hiếm nước là cải thiện các thực hành trong sử dụng nguồn nước tưới như sử dụng nguồn nước phù hợp, lựa chọn thời điểm tưới và lượng tưới nước phù hợp. Trong khuôn khổ tiếp cận về xã hội học, nghiên cứu này tập trung làm rõ sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu, trên cơ sở đó góp phần giúp làm giảm khan hiếm nước trong sản xuất lúa ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đối với vấn đề cạnh tranh trong sử dụng nguồn nước cho sản xuất lúa, một số nghiên cứu chỉ ra các mâu thuẫn trong sử dụng nguồn tài nguyên nước mặt cho hoạt động sản xuất nông nghiệp (Khánh và cộng sự, 2015). Tuy nhiên hiện nay, các nghiên cứu về cạnh tranh nguồn nước tưới trong sản xuất lúa vẫn chưa được khai thác, phân tích sâu và lồng ghép phân tích về giới tính trong cùng một nghiên cứu ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Thêm vào đó, việc phân tích khía cạnh xã hội về sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu nhằm đối phó với khan hiếm nước trong sản xuất lúa, đặc biệt là tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn nhiều khoảng trống cần được nghiên cứu và phân tích sâu và đa dạng hơn dựa trên nhiều khía cạnh để có thể đưa ra các giải pháp thích hợp trong việc đối phó với tình trạng khan hiếm nước. Trên cơ sở đó góp phần tăng cường vai trò của giới, tăng cường tính tích cực và sự đồng thuận của giới trong các quyết định tưới tiêu, góp phần giúp nông hộ đưa ra các quyết định tưới tiêu và sử dụng nguồn nước hiệu quả hơn cho hoạt động canh tác lúa.

2. Tổng quan các nghiên cứu về sự tham gia của giới trong sử dụng nguồn tưới nước trong sản xuất nông nghiệp

Nghiên cứu về sự tham gia của giới trong sản xuất tại các nước đang phát triển đã đạt được một số kết quả trong việc phân tích sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định sản xuất và tưới tiêu của hộ. Adisa (2020) nghiên cứu về sự tham gia của phụ nữ vào hệ thống bơm tưới trong nông nghiệp sử dụng năng lượng mặt trời nhằm tăng cường sản xuất,

đảm bảo an ninh lương thực. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tham gia của phụ nữ còn ở mức thấp do các khó khăn như chi phí trang trải ban đầu để mua máy bơm. Do đó cần có các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ trong tham gia vào công nghệ tưới tiêu để đảm bảo quyền lợi cũng như thúc đẩy sản xuất. Nghiên cứu của Thapa và cộng sự (2020) về sự tham gia của phụ nữ trong sản xuất lúa ở Nepal cho thấy phụ nữ ít có cơ hội trong việc tiếp cận và tham gia vào các quyết định trong sản xuất lúa. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu các quyền sở hữu đất đai, trình độ học vấn còn thấp so với nam giới. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ đặc biệt là trong các quyết định sản xuất lúa gạo để hướng tới tăng cường sự bình đẳng của nam và nữ giới trong sản xuất và góp phần đưa ra các quyết định sản xuất toàn diện hơn và tốt hơn. Điều này có thể thực hiện thông qua tăng cường các kỹ năng cho phụ nữ, hướng tới nâng cao sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định sản xuất của hộ. Nghiên cứu của Devkota và cộng sự (2020) về đánh giá các tiếp cận vụ mùa theo hướng bền vững trong sản xuất lúa ở Ấn Độ cho thấy phụ nữ ít có các kiểm soát trong các quyết định liên quan của hộ gia đình, trong tập thể hay nhóm xã hội, khả năng tiếp cận thông tin, lựa chọn công nghệ còn khó khăn. Điều này đặt ra yêu cầu về thu hẹp khoảng cách về giới và tầm quan trọng của việc khuyến khích sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định của hộ nhằm đưa ra các quyết định sử dụng nguồn lực trong sản xuất, tưới tiêu tốt hơn và toàn diện hơn. Nghiên cứu của Kinkingninhou-Médagbé và cộng sự (2010) về sự chênh lệch trong năng suất mùa vụ phân theo giới tính của một chương trình tưới tiêu cho lúa ở Benin, cho thấy phụ nữ gặp các khó khăn trong trồng trọt do bị động và phụ thuộc vào các thiết bị cày xới được quản lý bởi các nhóm tại địa phương.

Zwarteveen & Meinzen-Dick (2001) nhận định rằng, việc tiếp cận và tham gia vào hoạt động tưới tiêu của phụ nữ khá thường xuyên, tuy nhiên cấp độ tham gia vào việc quản lý về tưới tiêu vẫn còn ít. Hầu hết các quyền ra quyết định trong sản xuất và tưới tiêu do nam giới thực hiện. Hussain (2007) thảo luận về sự tham gia của nữ giới vào việc tưới tiêu, cho thấy công việc tưới tiêu không chỉ liên quan tới nam giới của hộ. Phụ nữ cũng có sự tham gia trong việc sử dụng nước từ hệ thống tưới tiêu theo các cách trực tiếp và gián tiếp, cho sinh hoạt cũng như sinh kế và các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Việc quan tâm tới các hiểu biết, kiến thức của phụ nữ và liên hệ nhận thức của nữ giới để lồng ghép trong phân tích các vấn đề tưới tiêu ở quy mô địa phương rất quan trọng để có thể hướng tới các giải pháp quản lý, sử dụng nước tưới hiệu quả. Hussain (2007) chỉ ra rằng, sự tham gia của phụ nữ trong quyết định tưới tiêu rất hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh các nước đang phát triển. Vì vậy, việc phân tích, nhìn nhận sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định tưới tiêu không chỉ giúp tăng cường tính tích cực và sự đồng thuận của giới trong việc đưa ra các quyết định trong tưới tiêu của nông hộ mà còn giúp nâng cao các lợi ích trong đầu tư về giải pháp thủy lợi mang tính toàn diện về lợi ích cho cộng đồng, hỗ trợ người nghèo cũng như đối tượng dân số dễ bị tổn thương.

Vấn đề về cạnh tranh trong sử dụng nguồn nước trong nông nghiệp ở khu vực sông Mê Kông đã được chỉ rõ trong các nghiên cứu trước đó. Vấn đề về cơ sở hạ tầng, xây dựng, thâm canh nông nghiệp, v.v.. đã góp phần dẫn tới các căng thẳng trong sử dụng nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (Nhan và cộng sự, 2008). Bên cạnh đó, xâm nhập mặn cũng là nguyên nhân dẫn tới vấn đề khan hiếm nước trong sản xuất lúa trở nên trầm trọng hơn (Nhan và cộng sự, 2008). Nghiên cứu của Khánh và cộng sự (2015)

cũng đã chỉ ra một số mâu thuẫn trong quản lý và sử dụng nguồn nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, dẫn tới áp lực cho việc sử dụng nước trong sản xuất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Hiện nay các phân tích về khía cạnh sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu nhằm góp phần đối phó với khan hiếm nước trong canh tác lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa được khai thác sâu và toàn diện. Vẫn còn nhiều khoảng trống trong mảng nghiên cứu này cần được làm rõ để hiểu sâu hơn và cung cấp các thông tin cho quá trình xây dựng các giải pháp nhằm góp phần làm giảm khan hiếm nước trong sản xuất lúa nhìn từ góc độ sự tham gia của giới tính, xã hội học và vấn đề quản lý sử dụng nguồn nước hiệu quả trong sản xuất lúa. Vì vậy, nghiên cứu này phân tích sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu nhằm góp phần đối phó với khan hiếm nước trong canh tác lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị và chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của giới tính theo hướng tích cực, tăng cường sự đồng thuận của giới, đặc biệt là sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định tưới tiêu nhằm góp phần đối phó với tình trạng khan hiếm nước trong sản xuất lúa ở khu vực này.

3. Nguồn dữ liệu, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

3.1. Chọn điểm nghiên cứu

Cần Thơ có hơn 78.000 ha diện tích đất canh tác lúa, mặc dù diện tích lúa khá khiêm tốn so với các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long, tuy nhiên nhờ thâm canh và tăng vụ nên tổng diện tích lúa đạt được khoảng 220.000 ha, sản lượng đạt từ 1,3 tới 1,4 triệu tấn, góp phần tích cực vào đảm bảo an ninh lương thực và đóng góp vào sản lượng lúa của khu vực (Khánh Trung, 2023). Những năm gần đây tình trạng khan hiếm nước trong sản xuất lúa tại địa bàn ngày càng có xu hướng gia tăng. Tình trạng mực nước trên các sông và kênh phục vụ tưới tiêu và canh tác sản xuất lúa, đặc biệt trong mùa khô có xu hướng giảm rõ rệt, gây ra các khó khăn trong việc tiếp cận lấy nước cho sản xuất lúa, và dẫn tới tình trạng khan hiếm nước trong sản xuất nông nghiệp và sản xuất lúa (DWRM, 2022). Do đó, Cần Thơ được lựa chọn khảo sát trong nghiên cứu này, đặc biệt để phân tích các vấn đề về sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu cho lúa, góp phần làm giảm khan hiếm nước trong canh tác lúa. Các điểm nghiên cứu được lựa chọn dựa trên tham vấn ý kiến các chuyên gia tại địa phương, thảo luận với các bên có liên quan và bối cảnh của địa phương. Số liệu được thu thập vào đầu năm 2022 thông qua phỏng vấn trực tiếp các nông hộ tại các địa bàn khảo sát.

3.2. Đối tượng khảo sát và chọn mẫu khảo sát

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra phỏng vấn trực tiếp 320 nông hộ tại Cần Thơ, tại các huyện Cờ Đỏ và Phong Điền. Kết quả sau khi thu thập, có 312 phiếu khảo sát hợp lệ được đưa vào phân tích. Quy trình lấy mẫu được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu phân tầng dựa trên các đặc điểm về diện tích sản xuất lúa, tình hình tiếp cận nguồn nước trong tưới tiêu cho lúa, tình hình khan hiếm nước, và các đặc điểm kinh tế xã hội của hộ. Đối tượng tham gia khảo sát là người có kinh nghiệm trong trồng lúa của hộ.

3.3. Cách tiếp cận và phương pháp phân tích

Nghiên cứu áp dụng tiếp cận về giới trong phân tích sự tham gia của nam và nữ trong các quyết định tưới tiêu trong các khâu sản xuất lúa. Đặc biệt phân tích sự tham gia của nữ

giới trong các quyết định liên quan tới tưới tiêu trong sản xuất lúa nhằm góp phần ứng phó với khan hiếm nước. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tìm hiểu các vấn đề cạnh tranh nguồn nước trong sản xuất lúa tại khu vực. Phương pháp thống kê mô tả và các kiểm định thống kê được áp dụng để phân tích, làm rõ các vấn đề nghiên cứu. Kiểm định Pearson's Chi-square test được sử dụng để kiểm định phân phối hay tính độc lập của hai biến phân loại (categorical variables), với giả thiết H_0 là không có mối quan hệ giữa hai biến, trường hợp giá trị $p\text{-value} < 0,05$ thì bác bỏ giả thiết H_0 hay hai biến độc lập với nhau. Kiểm định Independent samples t-test được sử dụng để kiểm định giá trị trung bình của hai nhóm được phân theo một số tiêu chí nhất định, với giả thiết H_0 là không có sự khác biệt trong giá trị trung bình của hai nhóm, trường hợp giá trị $p\text{-value} < 0,05$ thì bác bỏ giả thiết H_0 hay giá trị trung bình của hai nhóm có sự khác biệt. Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm của hộ khảo sát

Tình hình đặc điểm của hộ tham gia khảo sát được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm của hộ tham gia khảo sát (n = 312)

Đặc điểm	%
Giới tính	
Nữ	15,7
Nam	84,3
Độ tuổi	
≤ 45 tuổi	52,6
> 45 tuổi	47,4
Giáo dục	
Không có bằng cấp	0,3
Cấp 1 và dưới cấp 1	67,6
Cấp 2	24,4
Cấp 3	6,4
Trung cấp, Cao Đẳng	1,0
Đại học và trên đại học	0,3
Thu nhập hộ gia đình (triệu đồng/tháng)	
< 3	10,3
3-6	45,2
6-9	22,1
9-12	15,7
12-15	6,4
> 15	0,3

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

Về giới tính, đa số hộ tham gia khảo sát có đại diện là nam giới, điều này là do đặc thù của hoạt động sản xuất lúa đòi hỏi nhiều về lao động, do đó nam giới thường chiếm đa số. Mặc dù nghiên cứu đã nỗ lực để có thể mời những người chia sẻ trách nhiệm và kinh nghiệm trong trồng lúa tham gia khảo sát, nhưng chỉ có khoảng 15% số lượng tham gia là nữ. Điều này cũng thể hiện rõ đặc tính truyền thống của hoạt động sản xuất lúa trong đó nam giới phụ trách chính là chiếm đa số.

Để hiểu rõ hơn về đặc điểm của các hộ liên quan tới mức độ ảnh hưởng của khan hiếm nước trong mùa khô, cũng như các hoạt động đối phó, và các đặc điểm kinh tế xã hội của hộ phân theo diện tích, nghiên cứu tiến hành phân tích làm rõ đặc điểm của 2 nhóm hộ (Bảng 2). Kết quả cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá của hai nhóm hộ đối với tiêu chí mức độ khan hiếm nước trong sản xuất lúa. Số hộ khan hiếm nước ở mức trung bình và cao ở nhóm hộ có diện tích sản xuất lúa trên 3,5ha khá cao so với nhóm có diện tích dưới 3,5ha. Số lần chủ động bơm nước để đối phó với khan hiếm nước ở nhóm hộ có diện tích trên 3,5ha cũng cao hơn so với nhóm còn lại. Do đó, cần có các chính sách hỗ trợ các nhóm hộ, đặc biệt là các hộ có diện tích lớn thường phải đối phó với tình trạng khan hiếm nước thường xuyên hơn. Thêm vào đó, để đối phó với khan hiếm nước, trữ nước có thể là một trong các giải pháp, kết quả khảo sát chỉ ra rằng, hộ khá tin tưởng việc đầu tư vào mô hình trữ nước ở địa phương sẽ giúp giải quyết vấn đề thiếu nước trong sản xuất lúa (với giá trị trung bình của đánh giá là 3,9/5,0 theo thang điểm 5 mức).

Bảng 2. Đặc điểm của hộ phân theo diện tích sản xuất lúa (n=312)

Chỉ tiêu	≤3,5ha (n=196) (%)	>3,5ha (n=116) (%)	Tổng (%)	Chi square	p- value
1. Theo Anh/Chị, sự khan hiếm nước trong sản xuất lúa ở khu vực của Anh/Chị đang canh tác trong mùa khô thể hiện ở mức độ nào?				17,588	0,001
Hoàn toàn không	2,6	0,0	1,6		
Mức thấp	36,7	20,7	30,8		
Trung bình	44,9	50,9	47,1		
Cao	13,8	27,6	18,9		
Rất cao	2,0	0,9	1,6		
2. Số lần hộ phải chủ động bơm nước và có các hoạt động đối phó khác				12,724	0,002
Giảm đi	1,0	0,0	0,6		
Không đổi	62,2	43,1	55,1		
Tăng lên	36,7	56,9	44,2		
3. Thu nhập hộ gia đình (triệu đồng/tháng)				26,770	0,000
<3	14,3	3,4	10,3		
3-6	51,0	35,3	45,2		
6-9	17,9	29,3	22,1		
9-12	12,8	20,7	15,7		
12-15	3,6	11,2	6,4		
>15	0,5	0,0	0,3		
4. Tuổi				4,483	0,034
≤45 tuổi	48,0	60,3	52,6		
>45 tuổi	52,0	39,7	47,4		
5. Cấp độ giáo dục cao nhất mà Anh (Chị) đã hoàn thành				5,337	0,376

Không có bằng cấp	0,0	0,9	0,3
Cấp 1 và dưới cấp 1	65,3	71,6	67,6
Cấp 2	25,0	23,3	24,4
Cấp 3	8,2	3,4	6,4
Trung cấp, Cao Đẳng	1,0	0,9	1,0
Đại học, Sau đại học	0,5	0,0	0,3

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

Đối với các đặc điểm kinh tế xã hội, về thu nhập, số hộ có thu nhập bình quân trên 6 triệu đồng/tháng ở nhóm hộ có diện tích sản xuất trên 3,5ha nhiều hơn so với nhóm có diện tích canh tác dưới 3,5ha. Về độ tuổi, nhóm hộ có diện tích dưới 3,5ha có chủ hộ (người tham gia chính sản xuất) có độ tuổi trẻ hơn so với nhóm còn lại.

4.2. Hiện trạng khan hiếm nước và cạnh tranh nguồn nước tại địa bàn nghiên cứu

4.2.1. Hiện trạng khan hiếm nước tại địa bàn nghiên cứu

Tình hình về diện tích canh tác và khan hiếm nước tại địa bàn nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 3. Về diện tích, hơn 60% số hộ có diện tích canh tác dưới 3,5ha. Số còn lại có diện tích hơn 3,5ha. Về tần suất khan hiếm nước, có hơn 70% số hộ có tần suất khan hiếm nước từ mức thỉnh thoảng trở lên, số còn lại ở mức hiếm khi thiếu nước.

Bảng 3. Hiện trạng khan hiếm nước của hộ tại khu vực nghiên cứu (n=312)

Chỉ tiêu	Số lượng	%
<i>Diện tích canh tác</i>		
<=3,5 ha	196	62,8
>3,5 ha	116	37,2
<i>Tần suất khan hiếm nước</i>		
Hiếm khi	93	29,9
Từ thỉnh thoảng trở lên	219	70,1

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

Bảng 4 thống kê tình hình khan hiếm nước theo diện tích canh tác, kết quả phân tích cho thấy các hộ có diện tích càng lớn thì mức độ khan hiếm nước có xu hướng cao hơn so với nhóm hộ có diện tích canh tác dưới 3,5ha.

Bảng 4. Tình hình khan hiếm nước theo diện tích canh tác (n=312)

Chỉ tiêu	Hiếm khi thiếu nước (%)	Từ cấp độ thỉnh thoảng thiếu nước trở lên (%)	Tổng (%)	Chi- square	p-value
>=3,5ha	72,0	58,9	62,8	4,825	0,030
<3,5ha	28,0	41,1	37,2		

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

4.2.2. Tình hình cạnh tranh nguồn nước trong sản xuất lúa tại khu vực nghiên cứu

Đánh giá về tình hình cạnh tranh nguồn nước trong sản xuất lúa được thể hiện ở Bảng 5. Về đánh giá việc tưới nước của hộ cho sản xuất lúa có bị cạnh tranh bởi các

mục đích sử dụng khác không, có 45% số hộ đánh giá ở mức độ ít ảnh hưởng và khoảng gần 6% số hộ đánh giá ở mức độ ảnh hưởng vừa cho tới nhiều. Về ý kiến đánh giá số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong sản xuất lúa tại địa bàn hộ đang canh tác có xu hướng tăng lên trong vòng 5 năm qua, có 43% số hộ đánh giá đồng ý với nhận định này. Về đánh giá số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp (không bao gồm sản xuất lúa) tại địa bàn có xu hướng tăng lên trong 5 năm qua, có khoảng 39% số hộ đồng ý với nhận định này. Như vậy, mặc dù tình hình cạnh tranh nguồn nước trong sử dụng cho tưới tiêu lúa chưa thật sự phổ biến, tuy nhiên cũng cần phải có các giải pháp nhằm quy hoạch và sử dụng hiệu quả nguồn nước cho sản xuất lúa. Đảm bảo nguồn nước cho sản xuất lúa đủ và không bị ảnh hưởng cạnh tranh từ các hoạt động khác.

Bảng 5. Đánh giá về cạnh tranh nguồn nước tưới trong sản xuất lúa (n=312)

Chỉ tiêu	Số lượng	%
1. Việc tưới nước của hộ cho sản xuất lúa có bị cạnh tranh bởi các mục đích sử dụng khác không?		
Không ảnh hưởng	153	49,0
Ảnh hưởng ít	141	45,2
Ảnh hưởng vừa	16	5,1
Ảnh hưởng nhiều	2	0,6
2. Theo quan sát và hiểu biết của anh/chị, số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong sản xuất lúa tại địa bàn hộ đang canh tác có xu hướng tăng lên trong vòng 5 năm qua		
Không	176	56,4
Có	136	43,6
3. Theo quan sát và hiểu biết của anh/chị, số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong SXNN (không bao gồm SX lúa) tại địa bàn có xu hướng tăng lên trong 5 năm qua		
Không	190	60,9
Có	122	39,1

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

Tình hình đánh giá về cạnh tranh nguồn nước trong sản xuất lúa phân theo diện tích sản xuất được thể hiện ở Bảng 6. Có sự khác biệt trong đánh giá của hai nhóm hộ phân theo diện tích đối với tiêu chí việc tưới nước của hộ cho sản xuất lúa có bị cạnh tranh bởi các mục đích sử dụng khác không. Trong đó các hộ có diện tích dưới 3,5ha có đánh giá về ảnh hưởng mức độ cạnh tranh ở mức vừa cao hơn so với nhóm hộ có diện tích sản xuất lúa trên 3,5ha. Kết quả phân tích chưa ghi nhận sự khác biệt trong đánh giá của hai nhóm hộ phân theo diện tích về các mức độ cạnh tranh trong số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong sản xuất lúa tại địa bàn hộ đang canh tác có xu hướng tăng lên trong vòng 5 năm qua và số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp (không bao gồm sản xuất lúa) tại địa bàn có xu hướng tăng lên trong 5 năm qua.

Bảng 6. Đánh giá về cạnh tranh nguồn nước trong sản xuất lúa phân theo diện tích sản xuất lúa (n=312)

Chi tiêu	≤3,5ha (n=196) (%)	>3,5ha (n=116) (%)	Tổng (%)	Chi square	p-value
1. Việc tưới nước của hộ cho sản xuất lúa có bị cạnh tranh bởi các mục đích sử dụng khác không?				7,021	0,071
Không ảnh hưởng	48,0	50,9	49,0		
Ảnh hưởng ít	43,9	47,4	45,2		
Ảnh hưởng vừa	7,7	0,9	5,1		
Ảnh hưởng nhiều	0,5	0,9	0,6		
2. Theo quan sát và hiểu biết của anh/chị, số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong sản xuất lúa tại địa bàn hộ đang canh tác có xu hướng tăng lên trong vòng 5 năm qua				0,011	0,918
Không	56,6	56,0	56,4		
Có	43,4	44,0	43,6		
3. Theo quan sát và hiểu biết của anh/chị, số hộ/đơn vị tiếp cận sử dụng nước trong SXNN (không bao gồm SX lúa) tại địa bàn có xu hướng tăng lên trong 5 năm qua				0,007	0,931
Không	60,7	61,2	60,9		
Có	39,3	38,8	39,1		

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

4.3. Sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu nhằm góp phần đối phó với khan hiếm nước trong canh tác lúa

Kết quả đánh giá về sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu cho lúa được thể hiện ở Bảng 7. Kết quả khảo sát cho thấy các hộ đánh giá sự tham gia của phụ nữ trong quyết định tiếp cận sử dụng nguồn nước qua sử dụng máy bơm hay dịch vụ thủy lợi chỉ ở mức độ trung lập. Bên cạnh đó cũng chưa thật sự có sự bàn bạc thống nhất giữa phụ nữ và nam giới trong tiếp cận sử dụng nguồn nước.

Về các quyết định trong tưới tiêu, sự tham gia của phụ nữ trong quyết định lịch tưới tiêu chưa cao, hầu hết nam giới thực hiện vai trò này, thể hiện ở đánh giá mức trung lập. Tương tự đối với việc tham gia vào quyết định về lượng nước tưới, thời gian tưới, sự tham gia của phụ nữ vẫn còn thấp. Điều này cho thấy sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định tưới tiêu cho lúa vẫn còn hạn chế. Thêm vào đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy hầu hết nông hộ tiếp cận và sử dụng nguồn nước tưới từ dịch vụ thủy lợi, hoặc máy bơm cá nhân, hoặc sử dụng kết hợp cả hai hình thức trên nhằm đáp ứng yêu cầu tưới tiêu cho lúa. Chính vì vậy, điều này cũng lý giải rõ hơn về việc khâu tưới tiêu trong đó việc dùng và lắp đặt máy bơm khá phổ biến trong tưới tiêu tại địa phương đòi hỏi vai trò của nam giới phổ biến hơn so với nữ giới.

Hussain (2007) đã chỉ ra rằng, phụ nữ và các nhóm có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn có thể được hưởng lợi nhiều hơn khi các vấn đề về giới được lồng ghép vào quá trình xây dựng các giải pháp, chính sách, cũng như thiết kế và thực thi các chương trình liên quan tới thủy lợi. Bên cạnh sự tham gia của phụ nữ ở quy mô nông hộ, cũng cần khuyến khích sự tham gia của phụ nữ và các quyết định về tưới tiêu, đất đai, sản xuất ở các cấp quản lý cao hơn. Tăng cường nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực cho phụ nữ thông qua các chương trình đào tạo cho nữ giới và tăng cường trao quyền và khuyến khích sự tham gia của họ vào các quyết định. Devkota và cộng sự (2020) chỉ ra rằng, khi phụ nữ được trang bị kiến thức, thông tin, năng lực tốt, thì họ có xu hướng đưa ra các quyết định và tham gia tốt hơn trong các quyết định của hộ gia đình. Chính vì vậy cần có các giải pháp nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định tưới tiêu trong sản xuất lúa nhằm tăng cường tính tích cực, sự đồng thuận của giới trong đưa ra các quyết định tưới tiêu tốt hơn nhằm góp phần đổi mới với khan hiếm nước trong sản xuất lúa.

Bảng 7. Sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu cho lúa (n=312)

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng nam giới trong quyết định tiếp cận sử dụng nguồn nước tưới (ví dụ: tự bơm, dịch vụ thủy lợi, v.v.) trong sản xuất lúa tại hộ	3,56	1,53
2. Có sự bàn bạc và thống nhất giữa phụ nữ (vợ) và nam giới (chồng) trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn nước trong sản xuất lúa của hộ	3,63	1,51
3. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng so với nam giới trong quyết định lịch tưới tiêu nước trong sản xuất lúa của hộ	3,24	1,58
4. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng nam giới trong quyết định tổng lượng nước tưới trong sản xuất lúa của hộ	3,10	1,62
5. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng nam giới trong quyết định thời gian tưới nước trong sản xuất lúa của hộ	3,19	1,63

Ghi chú: các thang đo từ 1= hoàn toàn không đồng ý, tới 5= hoàn toàn đồng ý.

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

Để tìm hiểu xem hai nhóm hộ có quy mô diện tích canh tác trên 3,5ha và dưới 3,5 ha có các khác biệt trong đánh giá sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu cho lúa hay không, nghiên cứu phân các nhóm hộ thành hai nhóm và thực hiện kiểm định t-test. Kết quả đánh giá sự tham gia của giới trong quyết định tưới tiêu cho lúa phân theo diện tích sản xuất được thể hiện ở Bảng 8. Các thống kê cho thấy hầu hết chưa ghi nhận sự khác biệt trong đánh giá của hai nhóm hộ có diện tích nhỏ hơn 3,5ha và trên 3,5ha về các đánh giá trong sự tham gia của phụ nữ trong tiếp cận sử dụng nguồn nước tưới, trong quyết định lịch tưới tiêu, trong quyết định tổng lượng nước tưới, thời gian tưới cho lúa.

Trong bối cảnh sản xuất ngày càng gặp nhiều thách thức như các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, vấn đề tăng cường khả năng thích ứng của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh sản xuất theo hướng bền vững ngày càng cấp thiết hơn (Lê Thị Hoa Sen và các cộng sự, 2021). Vì vậy, cần có các giải pháp đồng bộ có tính tới quy mô sản xuất của hộ, các tác động của biến đổi khí hậu, và đẩy mạnh hoạt động sản xuất của hộ

theo hướng bền vững nhằm đối phó hiệu quả với khan hiếm nước trong đó có tính tới sự tham gia của giới theo hướng thúc đẩy sự tích cực và sự đồng thuận của giới trong đưa ra các quyết định tưới tiêu và sử dụng tài nguyên nước.

Bảng 8. Sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu cho lúa phân theo diện tích sản xuất lúa (n=312)

Chỉ tiêu	≤3,5ha (n=196)	>3,5ha (n=116)	Giá trị t	p value
1. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng nam giới trong quyết định tiếp cận sử dụng nguồn nước tưới (ví dụ: tự bơm, dịch vụ thủy lợi, v.v.) trong sản xuất lúa tại hộ	3,58 (1,49)	3,53 (1,60)	-0,282	0,778
2. Có sự bàn bạc và thống nhất giữa phụ nữ (vợ) và nam giới (chồng) trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn nước trong sản xuất lúa của hộ	3,67 (1,47)	3,55 (1,57)	-0,689	0,491
3. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng so với nam giới trong quyết định lịch tưới tiêu nước trong sản xuất lúa của hộ	3,36 (1,57)	3,03 (1,59)	-1,822	0,069
4. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng nam giới trong quyết định tổng lượng nước tưới trong sản xuất lúa của hộ	3,17 (1,62)	2,97 (1,61)	-1,025	0,306
5. Sự tham gia của phụ nữ cân bằng nam giới trong quyết định thời gian tưới nước trong sản xuất lúa của hộ	3,20 (1,64)	3,16 (1,63)	-0,255	0,799

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

4.4. Tình hình mong muốn nhận hỗ trợ của hộ nhằm ứng phó với khan hiếm nước trong sản xuất lúa

Nghiên cứu tìm hiểu trong bối cảnh khan hiếm nước, hộ gia đình mong muốn nhận các hỗ trợ nào và kết quả được thể hiện ở Bảng 9. Kết quả phân tích cho thấy các hộ ở cả hai nhóm thỉnh thoảng thiếu nước trở lên và hiếm khi thiếu đều mong muốn nhận hỗ trợ về chính sách. Đặc biệt đối với hỗ trợ tài chính, có khoảng 70% tới 80% số hộ ở hai nhóm mong muốn nhận hỗ trợ tài chính, trong đó nhóm hộ thỉnh thoảng thiếu nước trở lên bày tỏ mong muốn nhận hỗ trợ về tài chính khá lớn. Kết quả tương tự đối với mong muốn nhận hỗ trợ về vật chất và lao động.

Bảng 9. Tình hình mong muốn nhận hỗ trợ của hộ phân theo tình trạng khan hiếm nước (n=312)

Chỉ tiêu	Hiếm khi thiếu nước (n=93) (%)	Thỉnh thoảng thiếu nước trở lên (n=219) (%)	Tổng (%)	Chi square	P value
1. Hộ mong muốn nhận hỗ trợ về chính sách của chính quyền, các tổ chức cho sản xuất, tiêu thụ lúa				3,027	0,082
Không	12,9	6,8	8,7		
Có	87,1	93,2	91,3		

2. Hộ mong muốn nhận hỗ trợ tài chính				4,487	0,034
Không	32,3	21,0	24,4		
Có	67,7	79,0	75,6		
3. Hộ mong muốn nhận hỗ trợ vật chất				3,172	0,075
Không	54,8	43,8	47,1		
Có	45,2	56,2	52,9		
4. Hộ mong muốn nhận hỗ trợ lao động (hỗ trợ cấy, thu hoạch...)				2,719	0,099
Không	68,8	58,9	61,9		
Có	31,2	41,1	38,1		

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát năm 2022.

5. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả phân tích cho thấy các đánh giá của hộ về sự tham gia của phụ nữ trong các quyết định tưới tiêu vẫn còn khá hạn chế. Trong bối cảnh của Việt Nam, việc tưới tiêu vẫn mang tính truyền thống ở từng địa phương, và chưa thích ứng theo hệ thống tưới tự động hoàn toàn, vẫn còn nhiều khâu trong quá trình tưới tiêu cần sự hỗ trợ của sức lao động của nam giới, do đó sự tham gia của nam giới trong tưới tiêu khá phổ biến, trong khi đó sự tham gia của nữ giới vẫn còn ở một mức độ khá khiêm tốn. Hầu hết các công việc cần sự tỉ mỉ như các công đoạn gieo cấy, nhổ cỏ,... thì vai trò của người nữ vẫn chiếm đa số. Việc phân tích và phát huy sự tham gia của người nữ trong các quyết định tưới tiêu của hộ góp phần hướng tới tạo ra sự tích cực trong sự đồng thuận trong việc đưa ra các quyết định phù hợp trong tưới tiêu như về thời điểm tưới tiêu, lượng nước tưới tiêu cũng như cách sử dụng nước cho hiệu quả cho nông hộ.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, cần có các giải pháp liên quan tới cải thiện sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu, thông qua tập huấn cho cả nữ và nam về thời điểm tưới nước cho lúa cho phù hợp, lượng nước tưới cho lúa, cũng như các thực hành canh tác bền vững trong sử dụng nước tưới. Trên cơ sở đó thúc đẩy sự tích cực và sự đồng thuận trong quá trình tham gia của giới trong việc đưa ra các quyết định tưới tiêu trong canh tác lúa cho nông hộ.

Nhìn nhận từ góc độ giới cần có các giải pháp thích hợp để tăng cường sự tham gia của giới trong các quyết định tưới tiêu nhằm góp phần đối phó với khan hiếm nước như tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức về sử dụng và quản lý nước tưới ở quy mô nông hộ và địa phương cho nữ giới. Địa phương cần tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các hạ tầng tưới tiêu cho nữ giới. Cung cấp các khóa đào tạo, nâng cao năng lực cho nữ giới trong kỹ thuật tưới nước tiết kiệm, kỹ thuật lựa chọn cây trồng thích ứng với khan hiếm nước, thực hành các mô hình canh tác bền vững nhằm tiết kiệm và sử dụng nước tưới hiệu quả.

Kết quả phân tích cũng cho thấy mức độ cạnh tranh trong sử dụng nguồn nước trong sản xuất lúa chưa cao, tuy nhiên cũng cần có sự quan tâm tới vấn đề quy hoạch nguồn nước sử dụng cho các mục đích tại khu vực để có kế hoạch sử dụng nguồn nước hợp lý, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp. Các cơ quan ban ngành tại địa phương cần có các quy hoạch tổng thể và các kế hoạch trong sử dụng nước hiệu quả để đối phó với tình trạng

khan hiếm nước trong tương lai khi nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt gia tăng, cùng với tình trạng biến đổi khí hậu và thời tiết cũng như các điều kiện sản xuất thay đổi.

Thêm vào đó, cần có các chính sách quy hoạch cụ thể hơn trong sử dụng nguồn nước cho các mục đích khác nhau tại địa bàn, có tính tới sự tham gia của giới trong quá trình tiếp cận, sử dụng nguồn tài nguyên nước bền vững trong nông nghiệp để có kế hoạch sử dụng nước hợp lý và bền vững trong sản xuất lúa và sản xuất nông nghiệp. Do hạn chế về dữ liệu, nghiên cứu này chưa xem xét đến tác động của những quyết định của mỗi giới, đặc biệt là giới nữ đến các kết quả đầu ra trong việc ứng phó với tình trạng khan hiếm nước trong sản xuất lúa ở địa bàn nghiên cứu. Đây là một trong những điểm hạn chế mà nghiên cứu này gặp phải và mở ra khoảng trống cho các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Adisa, O. (2020). Rural women's participation in solar-powered irrigation in Niger: Lessons from Dimitra Clubs. *Gender & Development*. 28 (3): 535-549.
- Devkota, K.P., Khanda, C.M., Beebout, S.J., Mohapatra, B.K., Singleton, G.R., & Puskur, R. (2020). Assessing alternative crop establishment methods with a sustainability lens in rice production systems of Eastern India. *Journal of Cleaner Production*. 244: 118835.
- DWRM. (2022). Đồng bằng sông Cửu Long: Giải pháp ứng phó xâm nhập mặn, khô hạn. Trang Thông tin điện tử Cục Quản lý tài nguyên nước. <http://dwrn.gov.vn/index.php?language=en&nv=news&op=Hoat-dong-cua-dia-phuong/DBSCL-Giai-phap-ung-pho-xam-nhap-man-kho-han-10986>
- FAO (Food and Agriculture Organization of the United Nations). (2011). The State of Food and Agriculture 2011. Women in Agriculture: Closing the Gender Gap for Development. FAO, Rome. <https://www.fao.org/3/I2050E/i2050e.pdf>
- Hussain, I. (2007). Understanding gender and diversity dimensions of irrigation management for pro-poor interventions. *Irrigation and Drainage: The Journal of the International Commission on Irrigation and Drainage*. 56 (2-3): 299-305.
- Kinkingninoun-Médagbé, F.M., Diagne, A., Simtowe, F., Agboh-Noameshie, A.R. & Adégbola, P.Y. (2010). Gender discrimination and its impact on income, productivity, and technical efficiency: evidence from Benin. *Agriculture and Human Values*. 27 (1): 57-69.
- Khánh Trung. (01/04/2023). Nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất lúa gạo. *Cần Thơ online*. <https://baocantho.com.vn/no-luc-nang-cao-hieu-qua-san-xuat-lua-gao-a158080.html>
- Khánh, N.T., Trí, V. P. Đ., Hằng, T.T.L., & Diễm, N.T.K. (2015). Công tác quản lý nguồn tài nguyên nước mặt trong sản xuất nông nghiệp vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của biến đổi khí hậu. *Khoa học Đại học Cần Thơ*. 159-166.
- Lê Thị Hoa Sen, Nguyễn Văn Chung, Nguyễn Thị Hồng Mai, Hoàng Gia Hùng (2021). Tiếp cận và sử dụng thông tin biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của người dân vùng núi Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 1.
- Nhan, D.K., Van, B.N., & Trung, N.H. (2008). Chapter 4: Water Use and Competition in the Mekong Delta.
- Thapa, S., Jamkatel, D.P., Bharati, S., & Bam, S. (2020). Survey on gender role in rice production by farmers of Nuwakot district, Nepal. *Archives of Agriculture and Environmental Science*. 5(2): 164-167.
- Tran, D.D., Park, E., Tuoi, H.T.N., Thien, N.D., Tu, V.H., Ngoc, P.T.A., ... & Quang, C.N.X. (2022). Climate change impacts on rice-based livelihood vulnerability in the lower Vietnamese Mekong Delta: Empirical evidence from Can Tho City and Tra Vinh Province. *Environmental Technology & Innovation*. 28: 102834.
- Zwarteveen, M., & Meinzen-Dick, R. (2001). Gender and property rights in the commons: Examples of water rights in South Asia. *Agriculture and Human Values*. 18: 11-25.